



STT	HỌ TÊN	QUÂN QUẢN	MẬT	HÌNH THANG RUỘNG ĐẤT				SỐ HECTA VÀ HECTA PHẦN ĐẤT	Ghi chú
				Loại rộng (t)	Loại đất (m)	Đang c	Tính đến đây lại		
709	TA TRÍ + TA THANH			1410	T				
710	TRẦN NGOC			2530	T				
711	TRẦN HỒNG			730	T				
712	HTX			1520	ĐM				
713	NGUYỄN TRUNG			2920	T				
714				1650	CÁC				
715	HTX			1980	ĐM				
716	HTX			1880	ĐM				
717	HTX			2450	ĐM				
718	HTX			1060	MĐ				
719	HTX			760	MĐ				
720	HTX			1320	ĐM				
721	HTX			860	MĐ				
722	NGUYỄN LÊ			2000	T				
723	HTX			900	Đ				
724				1550	T				
725	NGUYỄN HUNG			1470	T				
726	TH			190	T				
727	NGUYỄN TH			860	T				
728	NGUYỄN			910	T				
729	CHUNG			860	T				
730	ĐOÀN BỐT + ĐOÀN TỬ			910	T				
731	HTX			2690	Đ				

Trang số 77

ST thứ tự	HỌ, TÊN, TUỔI, CHỖ Ở CỦA CHỦ SỞ DUNG RỪNG BẮT	SỐ THỜ A	SỐ TỜ	XỨ PHÒNG	DIỆN TÍCH m ²	SỞ DUNG CHẾNH THỨC HAY TAM GIAO	H I E N T R A N G					SỐ KHAI BÁO VỀ DIỆN RỪNG BẮT	CHI CHỖ
							Loại rừng đất	Loại thỏ đường	Hạng đất	Trên hình bản			
51	Đỗ Tấn Thôn 2 Ng chauh	1361	2/3		560	-							
52	Đỗ Tấn Thôn 2 Ng chauh	456	2/3		720								
53	Đỗ Tấn Thôn 2 Ng chauh	1092	2/3		1650								
54	Nguyễn Thế Thôn 3 Ng chauh	725	2/3		1470								
55	Trần Thị Thôn 1 Ng chauh	177	2/3		280								

